

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 31/2020/DS-ST

Ngày 29/9/2020

*“V/v tranh chấp về đòi lại quyền  
sử dụng đất; yêu cầu chấm dứt  
hành vi cản trở quyền sử dụng  
đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại  
do hành vi cản trở gây nên”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Tấn Sinh

Bà Phạm Thị Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 22/2019/TLST-DS, ngày 28 tháng 01 năm 2019 và Quyết định nhập vụ án số: 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/6/2019 về việc: *“Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất; Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do hành vi cản trở gây nên”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2020/QĐST-DS, ngày 26/9/2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

- Bà Lữ Thị Th, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Lữ Thị Th1, sinh năm 1962 (có mặt); bà Lữ Thị Thu Ng, sinh năm 1963 (vắng mặt); ông Lữ Văn Th, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Th, bà Th1, bà Ng, ông Th là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Tạ Thị Ngh (đã chết).

***2. Bị đơn:*** Vợ chồng ông Lữ Thế T, sinh năm 1937 và bà Mai Thị Th, sinh năm 1945 (ông T, bà Th có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thiết Kh - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện (đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Lữ Minh Đ, sinh năm 1972 (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Lữ Đức H, sinh năm 1975 (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Nơi công tác: Huyện ủy L, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Lữ Thị Thế Y, sinh năm 1977 (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Gi, xã B (Nay là thị trấn C), huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Hồ Thị Nh, sinh năm 1973 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn (bà Th, bà Th1, bà Ng, ông Th) cùng trình bày như sau:***

Nguyên thừa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích đo đạc thực tế 522,8m<sup>2</sup>, có nguồn gốc của cha, mẹ chúng các ông, bà là ông Lữ Đ và bà Tạ Thị Ngh (đều đã chết) lai thực lại từ bà Nguyễn Thị H vào năm 1974. Sau đó cha, mẹ các ông, bà sản xuất trồng hoa màu mãi đến năm 1979 không có ai tranh chấp. Năm 1979 ông Lữ Thế T ở ngoài Bắc về, điều kiện khó khăn, nên có đến hỏi mượn để làm ăn tạm vài năm. Năm 1991 cha các ông, bà chết, bà Tạ Thị Ngh gặp khó khăn, nên có đến gặp ông T để đòi lại đất nhưng ông T cố tình né tránh không chịu trả lại đất. Mẹ các ông, bà đã làm đơn khiếu nại nhiều lần, gửi đi nhiều nơi nhưng chưa được giải quyết thấu đáo và mẹ các ông, bà vẫn còn làm đơn tiếp tục khiếu nại thì vào năm 2000 UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông Lữ Thế T tại thửa đất nêu trên. Sau đó ông T đã 02 lần chuyển mục đích sử dụng đất, lần cuối mang tên cấp cho ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th và đã chuyển được 200m<sup>2</sup> (ODT), còn lại đất vườn. Năm 2008 vợ chồng ông T, bà Th tiến hành làm nhà trên thửa đất này thì mẹ chúng tôi ngăn cản không cho làm, đồng thời khởi kiện hành chính đối với các Quyết định trả lời khiếu nại, các Quyết định cấp GCNQSDĐ của UBND huyện S cho ông T, bà Th.

Tại bản án hành chính số: 17/2017/HC-ST, ngày 09/6/2017 của TAND tỉnh Quảng Ngãi (đã có hiệu lực pháp luật) đã hủy toàn bộ các Quyết định giải quyết khiếu nại, các Quyết định cấp GCNQSDĐ, Quyết định chuyển mục đích của UBND huyện S cho vợ chồng ông T, bà Th. Hiện nay UBND huyện S đã thi hành xong Quyết định buộc thi hành bản án hành chính số: 01/2018/QĐ-THA, ngày 17/01/2018 của Chánh án TAND tỉnh Quảng Ngãi.

Do vậy các ông, bà (là người thừa kế quyền của bà Tạ Thị Ngh) yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích đo đạc thực tế là 522,8m<sup>2</sup>. Đồng thời buộc vợ chồng ông T, bà Th phải tự dọn dẹp các loại tài sản trên đất để trả lại đất cho chúng tôi.

Việc TAND huyện Bình Sơn có Quyết định nhập vụ án số 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/6/2019 về việc nhập vụ án thụ lý số: 259/2008/TLST-DS, ngày 11/12/2008 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên” của TAND huyện Bình Sơn vào chung trong vụ án mà các ông, bà khởi kiện thì các ông, bà không có ý kiến gì. Đối với nội dung vụ án thụ lý số 259/2008/TLST-DS, ngày 11/12/2008; việc vợ chồng ông T, bà Th khởi kiện “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên” đối với Tạ Thị Ngh; Lữ Thị Th; Lữ Văn Th, Hồ Thị Nh. Đối với yêu cầu trên của vợ chồng ông T, bà Th các ông, bà có ý kiến như sau:

Mẹ các ông, bà cùng các con và dâu của bà có đứng ra ngăn cản, không cho gia đình ông T, bà Th cũng như những người thợ xây dựng nhà cho ông T, bà Th vào năm 2008 là có nguyên nhân. Bởi vì trong thời gian ông T, bà Th làm nhà, bà Ngh vẫn còn đang tiếp tục khiếu nại, nhưng ông bà bắt chấp không để các cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm việc khiếu nại của bà Ngh. Cho nên yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà Th trước về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại do hành vi cản trở gây nên thì các ông, bà không đồng ý.

***Tại các biên bản lấy lời khai của vợ chồng ông Lữ Thế T và bà Mai Thị Th trình bày như sau:***

Việc Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn có Quyết định nhập vụ án số: 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/6/2019 về việc nhập vụ án thụ lý số: 259/2008/TLST-DS, ngày 11/12/2008 về việc “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên” của vợ chồng ông, bà khởi kiện trước đây vào nội dung khởi kiện của các con bà Ngh về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” trong vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-DS, ngày 28/01/2019 của TAND huyện Bình Sơn. Đối với việc Tòa án có Quyết định nhập vụ án để cùng giải quyết 02 nội dung như đã nêu trên thì vợ chồng ông, bà không có ý kiến gì. Về từng nội dung cụ thể thì vợ chồng ông, bà có ý kiến như sau:

\* Về nội dung mà vợ chồng ông, bà khởi kiện “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên” thì vợ chồng ông, bà vẫn giữ nguyên, không thay đổi các nội dung như trong đơn khởi kiện vào năm 2008 mà Tòa án đã thụ lý, số tiền mà vợ chồng tôi yêu cầu tổng chi phí thiệt hại là 4.488.000 đồng (gồm tiền xi măng bị hư hỏng; công vận chuyển xi măng; công thợ xây; lễ vật cúng lo lễ; tiền ăn xé... như trong đơn khởi kiện). Sau khi bà Ngh cùng với các con của bà cản trở và chính quyền địa phương lập biên bản dừng việc xây dựng, nên vợ chồng ông, bà không làm được nhà thì phát sinh những thiệt hại khác tổng cộng 15.240.000 đồng (gồm tiền đổ đất 640.000 đồng; tiền làm trại 400.000 đồng; tiền sắt 1.000.000 đồng; tiền đá chẻ làm móng 5.200.000 đồng; tiền gạch 8.000.000 đồng). Tổng thiệt hại là 19.728.000 đồng; Các chi phí thiệt hại thực tế này vợ chồng ông, bà yêu cầu các con bà Ngh (là người

thừa kế quyền của bà Ngh) phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông, bà. Vì tại thời điểm mà vợ chồng ông, bà tiến hành xây dựng thì đã làm đầy đủ thủ tục về quyền sử dụng đất như: Cấp GCNQSDĐ, chuyển mục đích sử dụng đất, giấy phép xây dựng... đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định, nên vợ chồng ông, bà tiến hành xây dựng là hợp pháp.

\*Về nội dung các con bà Nghê “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích đo đạc thực tế 522,8m<sup>2</sup> thì vợ chồng tôi có ý kiến như sau: Khi bản án hành chính số 17/2017/HC-ST, ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có hiệu lực pháp luật thì ông T là người trực tiếp mang GCNQSDĐ mà UBND huyện S đã cấp cho vợ chồng ông, bà vào năm 2008 đến giao lại cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh S. Đối với thửa đất này vợ chồng ông, bà xác định không có tranh chấp gì đối với các con bà Ngh khởi kiện. Nguyên vọng của vợ chồng ông, bà muốn giao thửa đất này cho Nhà nước xây dựng các công trình phúc lợi tập thể, chứ công nhận và giao cho các con bà Ngh thì vợ chồng ông, bà không đồng ý. Trường hợp Tòa án giải quyết giao cho các con bà Ngh thì vợ chồng ông, bà sẽ khiếu nại đến nhiều cấp, nhiều nơi.

***Tại các biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lữ Minh Đ, anh Lữ Đức H, chị Lữ Thị Thế Y (con ông Tửu, bà Th) cùng trình bày:***

Các anh, chị là con của ông Lữ Thế T và bà Mai Thị Th, trước đây vào năm 2008 cha mẹ các anh, chị có khởi kiện bà Tạ Thị Ngh cùng các con của bà về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản thì các anh, chị đã có lời khai tại hồ sơ khởi kiện của cha, mẹ của các anh, chị. Nay Tòa án có Quyết định nhập vụ án mà cha, mẹ các anh, chị khởi kiện này vào chung vụ án mà các con bà Ngh đang tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho các con của bà và đưa các anh, chị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc Tòa án nhập 02 nội dung này để cùng giải quyết chung trong 01 vụ án, các anh, chị không có ý kiến gì, còn về ý kiến của các anh, chị đối với yêu cầu của các con bà Ngh thì các anh, chị cùng xác định không có liên quan gì đến thửa đất mà các con bà Ngh tranh chấp và các anh, chị đề nghị Tòa án bỏ tư cách của chúng tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến cả 02 nội dung của vụ án mà Tòa đang giải quyết hiện nay. Việc khởi kiện này, các anh, chị tôn trọng ý kiến của cha, mẹ của các anh, chị trước đây cũng như hiện nay. Các anh, chị cam kết không khiếu nại gì đến quyết định của cha, mẹ của các anh, chị.

***Tại biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Nh (con dâu bà Ngh) trình bày:***

Bà là vợ của anh Lữ Văn Th và là con dâu của bà Tạ Thị Ngh (đã chết). Vào năm 2008 bà có cùng tham gia với mẹ chồng (bà Ngh) và chị chồng (bà Th1) có đứng ra cản trở, không cho vợ chồng ông T, bà Th xây dựng ngôi nhà trên thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn C là vì thửa đất này mẹ chồng bà còn đang khiếu nại tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được giải quyết dứt điểm mà ông T, bà Th lại cố tình xây dựng. Đối với các yêu cầu của vợ chồng ông T, bà Th trước đây về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường

thiệt hại tài sản thì bà cũng như các thành viên khác trong gia đình không đồng ý bồi thường.

Việc khởi kiện của chồng và các chị chồng bà (gồm bà Th, bà Th1, bà Ng, ông Th) tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn C với vợ chồng ông T, bà Th thì bà không có ý kiến gì vì bà là dâu không phải là người thừa kế quyền (hàng thừa kế thứ nhất) của bà Tạ Thị Ngh.

***Tại biên bản làm việc ý kiến có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:***

UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 546/2018/QĐ-UB, ngày 30/3/2018 theo Quyết định buộc thi hành án hành chính số 01/2018/QĐ-THA, ngày 17/01/2018 của Chánh án TAND tỉnh Quảng Ngãi.

Diện tích thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 tại Tổ dân phố 6, thị trấn C có sự thay đổi là do trong quá trình quản lý, sử dụng và khu vực này mở rộng đường giao thông nên trước khi cấp GCNQSDĐ thì các cơ quan tham mưu đã làm việc với chủ sử dụng đất và được họ xác nhận lý do biến động nên UBND huyện cấp GCNQSDĐ đúng thực trạng sử dụng thực tế.

Trong nội dung Quyết định 546/2018/QĐ-UB, ngày 30/3/2018 của UBND huyện Bình Sơn thì đã hủy toàn bộ việc cấp GCNQSDĐ cũng như hồ sơ chuyển mục đích của vợ chồng ông T, bà Th.

Trường hợp Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho các con bà Ngh thì quan điểm của UBND huyện là không công nhận 200m<sup>2</sup> đất ODT cho các con bà Ngh, mà chỉ công nhận loại đất trồng cây hàng năm khác(BHK). Trường hợp sau khi được công nhận quyền sử dụng đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở thì UBND huyện sẽ xem xét, giải quyết theo quy định.

***Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 26, 42, 48, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 92, 97, 98, 104, 147, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, các thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, gửi các văn bản tố tụng, về xác định tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, về các thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo đúng thời hạn. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người này.

- Về nội dung quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ bản án hành chính số: 17/2017/HC-ST, ngày 09/6/2017 của TAND tỉnh Quảng Ngãi (đã có hiệu lực pháp luật). Hiện nay UBND huyện S đã thi hành xong Quyết định buộc thi hành bản án hành chính số: 01/2018/QĐ-THA, ngày 17/01/2018 của Chánh án TAND tỉnh Quảng Ngãi bằng Quyết định số 546/2018/QĐ-UB, ngày 30/3/2018. Trong nội

dung Quyết định 546/2018/QĐ-UB, ngày 30/3/2018 của UBND huyện S thì đã hủy toàn bộ việc cấp GCNQSDĐ cũng như hồ sơ chuyển mục đích của vợ chồng ông T, bà Th.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng nguyên đơn (là những người thừa kế quyền của bà Ngh) tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải giao trả lại đất để công nhận cho nguyên đơn.

+ Về yêu cầu của bị đơn: Xét thấy bị đơn trong quá trình kê khai, quản lý, sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ, chuyển đổi mục đích, cấp giấy phép xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục. Do vậy ông T, bà Th tiến hành xây dựng nhà trên thửa đất mà ông, bà đã làm đầy đủ thủ tục và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, quyết định, nên ông T, bà Th làm nhà là hợp pháp. Việc bà Ngh cùng với các con và con dâu của bà trước đây có hành vi cản trở không cho ông T, bà Th làm nhà gây ra thiệt hại tài sản thì những người con của bà Ngh (thừa kế quyền, nghĩa vụ) cùng phải có trách nhiệm bồi thiệt hại.

Đối với hành vi cản trở quyền sử dụng đất: Tại thời điểm năm 2008 thì hành vi này cần phải xem xét, nhưng sau khi UBND huyện thi hành bản án hành chính đã có hiệu lực pháp luật thì hành vi cản trở này không cần thiết phải áp dụng trên thực tế, do các quyền sử dụng đất mà ông T, bà Th yêu cầu để bảo vệ đều đã bị hủy bỏ.

Đối với tài sản bị thiệt hại của ông T, bà Th do bà Ngh cùng với các con và con dâu của bà gây nên tại thời điểm năm 2008 cần phải xem xét bồi thường cho vợ chồng ông T, bà Th theo thiệt hại thực tế.

Ngoài ra cũng cần xem xét công cải tạo cho vợ chồng ông T, bà Th đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 mà Tòa giao cho các con bà Ngh vì vợ chồng ông T, bà Th quản lý sử dụng thửa đất này trong một thời gian dài (từ năm 1979 đến năm 2017) và đã làm tăng thêm giá trị thửa đất hiện nay.

Mức bồi thường thiệt hại tài sản và hỗ trợ công cải tạo cho vợ chồng ông T, bà Th đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

- Án phí, chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Bình Sơn và bà Hồ Thị Nh, anh Lữ Minh Đ, anh Lữ Đức H, chị Lữ Thị Thế Y đều vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện S và bà Hồ Thị Nh, anh Lữ Minh Đ, anh Lữ Đức H, chị Lữ Thị Thế Y.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận toàn bộ diện đo đạc thực tế 522,8m<sup>2</sup> của thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, thị trấn C. Bị đơn không tranh chấp gì

đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn mong muốn giao thửa đất này cho Nhà nước sử dụng vào mục đích công cộng, không chấp nhận giao cho các đồng nguyên đơn và yêu cầu Tòa án buộc các đồng nguyên đơn (là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Tạ Thị Ngh - đã chết) cùng có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản bị thiệt hại do hành vi cản trở của bà Ngh cùng với các con và con dâu của bà gây nên. Tòa án đã thụ lý vụ án và đã có Quyết định nhập vụ án nên xác định quan hệ tranh chấp là: *“Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên”* theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; Thông qua bản án hành chính số 17/2017/HC-ST, ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có hiệu lực pháp luật xác định thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích đo đạc thực tế hiện nay 522,8m<sup>2</sup> tại thị trấn C có nguồn gốc của cha, mẹ các đồng nguyên đơn là vợ chồng ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh bỏ tiền ra lai thực lại của bà Nguyễn Thị H vào năm 1974, do vào năm 1970 cụ Huỳnh Thị M (mẹ ông Lữ Đ) đã bán cho bà Nguyễn Thị H và cụ Miễn lập *“Văn tự bán lai thực đất”*. Sau khi lai thực lại vợ chồng ông Đ, bà Ngh quản lý sử dụng trồng hoa màu đến năm 1979 thì cho vợ chồng ông T, bà Th mượn sản xuất và nghỉ chỗ anh em (do ông T, bà Th ở ngoài Bắc mới về gặp khó khăn trong cuộc sống) và thửa đất này không đưa vào Hợp tác xã (HTX) để cân đối chia đất cho các xã viên HTX. Việc vợ chồng ông T, bà Th qua thời gian sử dụng, kê khai để được cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 2000 sau đó tiếp tục chuyển mục đích sử dụng vào năm 2002 (UBND huyện S đã thu hồi hồ sơ cấp GCNQSDĐ vào năm 2000 của hộ ông T) và tiếp tục chuyển mục đích 200m<sup>2</sup> đất ODT, cấp giấy phép làm nhà, xây nhà vào năm 2008 tại thửa đất này. Tuy nhiên bà Tạ Thị Ngh đã khởi kiện hành chính và được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét lại hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T, bà Th vào năm 2002, 2008 là không đúng quy định pháp luật và đã hủy toàn bộ các Quyết định cấp GCNQSDĐ cũng như các Quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính huyện S và tỉnh Quảng Ngãi.

[2.2] Xét việc quản lý, sử dụng, đăng ký, kê khai đối với thửa đất: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích 522,8m<sup>2</sup> tại Tổ dân phố Y, thị trấn C là của vợ chồng ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh bỏ tiền ra nhận lai thực lại của bà Nguyễn Thị H vào năm 1974 và sử dụng từ đó đến năm 1979 thì cho ông T, bà Th mượn sản xuất trồng hoa màu. Thửa đất này không đưa vào HTX để cân đối chia cho các xã viên và ông T, bà Th sử dụng tự kê khai và được cấp GCNQSDĐ lần đầu vào năm 2000, sau đó chuyển mục đích sử dụng qua các năm 2002, năm 2008. Việc ông T, bà Th quản lý kê khai để được cấp GCNQSDĐ thì bà Ngh hoàn toàn không biết, bà Ngh chỉ biết được sau khi ông T, bà Th tổ chức làm nhà trên thửa đất này vào năm 2008. Kể từ thời gian này bà Ngh bắt đầu khiếu nại việc UBND huyện S cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà Th. Sau khi UBND huyện có các Quyết định giải quyết khiếu nại, bà Ngh không đồng ý và bà tiếp tục khiếu nại đến các cơ quan hành chính cấp trên, khi nhận được các Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh

Quảng Ngãi bà Ngh vẫn không đồng ý với các Quyết định này và bà đã khởi kiện hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án hành chính số 17/2017/HC-ST, ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có hiệu lực pháp luật xác định rằng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 là của ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh bỏ tiền ra để thực lại thửa đất mà cụ Huỳnh Thị M (mẹ ông Lữ Đ) đã bán lại thực cho bà Nguyễn Thị H vào năm 1970. Bà Nguyễn Thị H cũng xác nhận chính bà Tạ Thị Ngh là người mang tiền đến cho bà để thực lại và bà H có viết giấy phóng thực thửa đất này vào năm 1974, sau khi viết giấy phóng thực thì ông Đ, bà Ngh là người quản lý, sử dụng. Năm 1979 nghĩ chỗ anh em ruột với nhau nên ông Đ, bà Ngh có để lại cho ông T, bà Th mượn tạm sản xuất trên thửa đất này, từ đó bà Th tự ý kê khai đăng ký theo chi thị 299/TTg trong sổ mục kê nhưng không có ai đứng tên đăng ký trong sổ đăng ký ruộng đất vì lúc bấy giờ Nhà nước chỉ chủ trương đăng ký đất thổ cư. Hơn nữa HTX nông nghiệp I B trước đây vẫn xác nhận thửa đất mà bà Ngh làm đơn khiếu nại, tranh chấp với ông T, bà Th không có đưa vào HTX quản lý.

Theo bản đồ địa chính qua các thời kỳ thì xác định thửa đất mà các đồng nguyên đơn tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho họ có nguồn gốc là đất của cha mẹ của ông Lữ Đ bán lại thực cho bà Nguyễn Thị H vào năm 1970 và được vợ chồng ông Đ, bà Ngh bỏ tiền ra thực lại từ bà H vào năm 1974. Sau khi ông Đ, bà Ngh cho ông T, bà Th mượn tạm canh tác từ năm 1979, đến năm 1991 ông Đ chết thì bà Ngh đòi lại thửa đất này nhưng ông T, bà Th không chịu trả lại cho bà và bà Ngh đã làm đơn khiếu nại, tranh chấp với ông T, bà Th từ năm 1998 nhưng không được các cơ quan giải quyết theo đơn khiếu nại của bà và sau đó bà Ngh khiếu nại đến nhiều cấp, nhiều nơi với mục đích yêu cầu công nhận đòi lại quyền sử dụng đất cho bà nhưng vẫn không được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết triệt để cho bà.

Đối với quá trình quản lý kê khai để được cấp GCNQSDĐ của ông T, bà Th thì có lúc cho rằng là đất của cụ Huỳnh Thị M (mẹ ông T) cho ông bà; Có lúc thì cho rằng đất HTX chia đất 5%; Có lúc cho rằng đất cấp cho gia đình có con liệt sỹ...nhưng các cơ quan quản lý đất đai tại địa phương đã xác nhận không có trường hợp giao đất cho ông T, bà Th như lời ông bà trình bày. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà Th cũng như Quyết định chuyển mục đích đất ODT tại thửa đất này đều đã được hủy bỏ theo Bản án hành chính số 17/2017/HC-ST, ngày 09/6/2017 của TAND tỉnh Quảng Ngãi đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về công nhận quyền sử dụng đất:

[3.1] Xét yêu cầu công nhận diện tích thực tế 522,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 thị trấn C cho các đồng nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 có nguồn gốc là của cụ Huỳnh Thị M đã bán lại thực cho bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh bỏ tiền ra để thực lại thửa đất từ bà Nguyễn Thị H. Tại Bản án hành chính số 17/2017/HC-ST, ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có hiệu lực pháp luật có nhận định và Quyết định hủy toàn bộ các Quyết định giải quyết khiếu nại cũng như các Quyết định cấp GCNQSDĐ của ông T, bà Th.

Ủy ban nhân dân huyện S cũng đã ban hành Quyết định số 546/2018/QĐ-UB ngày 30/3/2018 theo Quyết định buộc thi hành án hành chính số 01/2018/QĐ-



THA, ngày 17/01/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. GCNQSDĐ đã cấp cho ông T, bà Th đã thu hồi, theo nội dung Quyết định này thì Ủy ban nhân dân huyện S đã hủy toàn bộ việc đề nghị cấp GCNQSDĐ cũng như hồ sơ chuyển mục đích của vợ chồng ông T, bà Th. Trường hợp Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất cho các con bà Ngh thì chỉ được công nhận loại đất BHK, các con bà Ngh có nhu cầu chuyển mục đích thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ xem xét giải quyết theo quy định.

Ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th đều thừa nhận sau khi bản án hành chính nêu trên đã có hiệu lực pháp luật thì ông T mang các GCNQSDĐ đã cấp cho ông bà giao nộp cho Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh S và ông bà không tranh chấp gì với các con bà Ngh tại thửa đất này. Nguyên vọng của ông T, bà Th muốn giao thửa đất này cho Nhà nước để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, ông bà không đồng ý giao thửa đất này cho các con bà Ngh, nếu Tòa án giải quyết giao cho các con bà Ngh thì ông bà sẽ khiếu nại đến nhiều cấp, nhiều nơi. Qua ý kiến của ông T, bà Th thì thấy rằng ông bà đã từ bỏ quyền sử dụng đất, không còn tranh chấp gì tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn C với các con bà Ngh tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất hiện nay. Nguyên vọng của ông bà là giao thửa đất này cho Nhà nước để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, nguyện vọng này của ông bà là không có căn cứ vì đây không phải là đất của ông bà, nên ông bà không có quyền định đoạt.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 tại thị trấn C có nguồn gốc từ vợ chồng ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh bỏ tiền ra thực lại từ bà Nguyễn Thị H vào năm 1974 và thửa đất này không đưa vào HTX để cân đối chia đất cho các xã viên. Hiện nay ông Đ, bà Ngh đều đã chết, cha mẹ ông bà đều đã chết trước nên các con của ông Đ, bà Ngh gồm Bà Lữ Thị Th; bà Lữ Thị Th1; bà Lữ Thị Thu Ng; ông Lữ Văn Th là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông bà, nên yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên cho các ông, bà là có căn cứ.

Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến thời gian quản lý, sử dụng của ông T, bà Th (cho mượn từ năm 1979 đến năm 1998 bà Ngh mới bắt đầu tranh chấp và đến năm 2017 mới được giải quyết xong) đối với thửa đất này. Trong thời gian quản lý, tôn tạo, gìn giữ làm cho thửa đất tăng thêm phần giá trị trên thị trường hiện nay, do vậy cũng cần xem xét công sức đóng góp cho ông T, bà Th. Mặc dù các đồng nguyên đơn không thống nhất và cho rằng trong thời gian ông T, bà Th quản lý sử dụng thì ông bà đã hưởng lợi từ hoa màu thu được trên thửa đất. Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét toàn diện đến nhiều khía cạnh (quan hệ huyết thống, điều kiện cuộc sống) và thời gian gắn bó tôn tạo đối với thửa đất của ông T, bà Th (nay ông T, bà Th đều đã già yếu), nên quyết định các đồng nguyên đơn phải hỗ trợ công sức đóng góp, tôn tạo thửa đất cho ông T, bà Th với mức 50.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên:

Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của ông T, bà Th trước đây (năm 2008) mà Tòa án đã thụ lý, tại thời điểm này yêu cầu của ông bà là có căn cứ do ông T, bà Th đã được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ, có Quyết định

chuyển mục đích, có giấy phép xây dựng nên ông bà yêu cầu pháp luật bảo vệ. Nhưng tại thời điểm Tòa án có Quyết định nhập vụ án số 01/2019/QĐST-DS, ngày 11/6/2019 này vào để cùng giải quyết trong vụ án mà các con bà Ngh tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cũng tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 thì hành vi cản trở này không còn hiệu lực trên thực tế do quyền sử dụng đất đối với thửa đất này đều đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 546/2018/QĐ-UB ngày 30/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S theo Quyết định buộc thi hành án hành chính số 01/2018/QĐ-THA, ngày 17/01/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Nên Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu này.

Đối với yêu cầu bồi thường tài sản bị thiệt hại do hành vi cản trở gây nên: Số tiền mà ông T, bà Th yêu cầu tổng chi phí thiệt hại theo đơn khởi kiện năm 2008 là 4.488.000 đồng (gồm tiền xi măng bị hư hỏng; công vận chuyển xi măng; công thợ xây; lễ vật cúng lo lễ; tiền ăn xế...như trong đơn khởi kiện). Yêu cầu này của ông T, bà Th thì thấy rằng tại thời gian này ông bà làm nhà là hợp pháp do ông T, bà Th đã được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ, có Quyết định chuyển mục đích đất ODT, có giấy phép làm nhà nên ông bà tiến hành xây dựng nhà trên thửa đất là hợp pháp. Bà Ngh cùng với các con và dâu của bà cản trở gây thiệt hại đến tài sản của ông T, bà Th và ông bà có làm đơn yêu cầu tại thời điểm này là có căn cứ nên cần buộc các đồng nguyên đơn gồm Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th (thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Ngh đã chết) cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông T, bà Th với số tiền thiệt hại thực tế là 4.488.000 đồng. Tương ứng với mỗi người phải chịu 1.122.000 đồng.

Đối với các tài sản trên thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2020 thì trên thửa đất số 46 có 18 trụ bê tông cao 2m trong đó có 01 trụ đã ngã trên thửa đất; 01 móng nhà cũ diện tích 28,5m<sup>2</sup>, gạch 100 viên 06 lỗ còn nguyên vẹn. Các tài sản này được xác định của ông T, bà Th. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 28/8/2020 của công ty TNHH Thẩm định giá H thì giá trị các tài sản trên được xác định 18 trụ bê tông trong đó 01 trụ đã ngã có giá trị 784.584 đồng; đá xanh (đá chẻ) móng nhà có giá trị 539.400 đồng, gạch 06 lỗ có giá trị 64.800 đồng; tổng cộng 1.388.784 đồng. Giao 18 trụ bê tông cao 2m trong đó có 01 trụ đã ngã trên thửa đất; đá móng nhà cũ, gạch 100 viên 06 lỗ còn nguyên vẹn cho đồng nguyên đơn và buộc đồng nguyên đơn thối lại giá trị cho ông T, bà Th số tiền 1.388.784 đồng, tương ứng mỗi người phải thối lại cho ông T, bà Th là 347.000 đồng.

Đối với số tiền sau khi bà Ngh cùng với các con của bà cản trở và chính quyền địa phương lập biên bản dừng việc xây dựng, nên ông T, bà Th không làm được nhà thì phát sinh những thiệt hại khác tổng cộng 15.240.000 đồng (gồm tiền đồ đất 640.000 đồng; tiền làm trại 400.000 đồng; tiền sắt 1.000.000 đồng; tiền đá chẻ làm móng 5.200.000 đồng; tiền gạch 8.000.000 đồng). Yêu cầu phát sinh thêm này của ông T, bà Th là vượt quá giới hạn khởi kiện ban đầu, hơn nữa thời gian xảy ra quá lâu (từ năm 2008) đến nay hiện trường đã thay đổi, xáo trộn không còn hiện vật để làm cơ sở tính toán thiệt hại, nên yêu cầu phát sinh này của ông T, bà Th không được xem xét, giải quyết.

Như vậy số tiền buộc các đồng nguyên đơn gồm: Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th phải có nghĩa vụ bồi thường và hỗ trợ cho

ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th là 55.876.000 đồng, tương ứng mỗi người phải chịu là 13.969.000 đồng.

[3.3] Về xác định giá trị diện tích mà các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế 522,8m<sup>2</sup>: Theo chứng thư thẩm định giá số: CTĐNQNG226AO820 ngày 28/8/2020 của Công ty TNHH thẩm định giá H - Chi nhánh Đà Nẵng xác định giá trị: 522,8m<sup>2</sup> x 2.577.449đồng/m<sup>2</sup>=1.347.490.337đồng. Căn cứ vào Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND, ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024) thì: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế 522,8m<sup>2</sup> thuộc vị trí 1, xã đồng bằng, đơn giá đất trồng cây hàng năm khác là 42.000 đồng/m<sup>2</sup>. Như vậy, giá trị: 522,8m<sup>2</sup> x 42.000đồng/m<sup>2</sup> =21.957.600 đồng. So sánh giá trị chênh lệch giữa Công ty TNHH thẩm định giá H với Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND, ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là quá lớn, hơn nữa các nguyên đơn chỉ yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho họ và bị đơn thì không có tranh chấp gì với các nguyên đơn, nên áp dụng giá trị theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND, ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nội dung tranh chấp.

[4] Về án phí:

[4.1] Ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th vừa là người cao tuổi, vừa là đối tượng thương binh, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th số tiền tạm ứng án phí 160.000 đồng (do bà Th đại diện nộp) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 005027, ngày 11/12/2008 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn).

[4.2] Các đồng nguyên đơn gồm: Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.793.800 đồng được khấu trừ số tiền mà các đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng là 1.798.000đồng (do ông Th đại diện nộp) theo biên lai thu số AA/2016/0002558, ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, các đồng nguyên đơn phải nộp tiếp số tiền 995.800 đồng, tương ứng mỗi người phải nộp là 249.000 đồng (làm tròn).

[4.3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 5.300.000 đồng, tổng cộng 11.300.000 đồng, các đồng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã được khấu trừ xong vào chi phí tố tụng.

[5] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 36, 92, 144, 147, 157, 165, 227, 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 106 và Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 207, 209, 217, 218, 219, 584, 585, 589, 650, 651, 660 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ, về hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003;

Căn cứ các Điều 100, 101, 105, 107 và Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; khoản 2, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND, ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024).

### **Tuyên xử:**

1. Đối với tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm: Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh) về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà tại thửa đất số 46, tờ bản đồ 03, diện tích đo đạc thực tế là 522,8m<sup>2</sup> tại thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi được giới hạn từ điểm 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-1.

*Kèm theo có sơ đồ đo vẽ, là bộ phận không tách rời của bản án này.*

Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh) phải có nghĩa vụ hỗ trợ công sức đóng góp, tôn tạo thửa đất nêu trên cho ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th với mức 50.000.000 đồng. Tương ứng mỗi người là 12.500.000 đồng.

Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh) sau khi thực hiện nghĩa vụ hỗ trợ cho ông T, bà Th xong có nghĩa vụ đăng ký kê khai để được cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật.

2. Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên.

- Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu này của ông T, bà Th do các quyền sử dụng đất đều đã bị hủy bỏ, nên không còn hiệu lực trên thực tế.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cản trở gây nên: buộc các đồng nguyên đơn gồm Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lữ Đ, bà Tạ Thị Ngh) cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông T, bà Th với số tiền thiệt hại thực tế là 4.488.000 đồng. Tương ứng với mỗi người phải chịu 1.122.000 đồng.

- Đối với tài sản trên đất gồm có 18 trụ bê tông, đá xây móng nhà, gạch 6 lỗ; trị giá 1.388.000 đồng (lấy số tròn) giao cho các nguyên đơn gồm Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th sở hữu, quản lý, sử dụng; các

nguyên đơn gồm Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th phải có trách nhiệm thối lại giá trị 1.388.000 đồng cho ông T, bà Th tương ứng mỗi người phải chịu 347.000 đồng.

Như vậy bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th (là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lữ Đễ, bà Tạ Thị Ngh ) mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà Th là 13.969.000 đồng.

### 3. Án phí:

3.1. Các đồng nguyên đơn gồm: Bà Lữ Thị Th, bà Lữ Thị Th1, bà Lữ Thị Thu Ng, ông Lữ Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.793.800 đồng được khấu trừ số tiền mà các đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng là 1.798.000 đồng (do ông Th đại diện nộp) theo biên lai thu số AA/2016/0002558, ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, các đồng nguyên đơn phải nộp tiếp số tiền 995.800 đồng, tương ứng mỗi người phải nộp là 249.000 đồng (làm tròn).

3.2. Ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lữ Thế T, bà Mai Thị Th số tiền tạm ứng án phí 160.000 đồng (do bà Th đại diện nộp) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 005027, ngày 11/12/2008 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn).

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 5.300.000 đồng, tổng cộng 11.300.000 đồng, các đồng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã được khấu trừ xong vào chi phí tố tụng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*( Đã ký)*

**Lê Quốc Phong**

